TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-PT
Ngày 16-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triển.

Các Thẩm phán:

+ Ông Nguyễn Văn Bình;

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 158/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Bị cáo Võ Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 48/2018/HS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- *Bị cáo kháng cáo:* Bị cáo Võ Văn T, sinh năm 1988, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành L, sinh năm 1970 và bà Dương Thị N, sinh năm 1969; vợ là Phan Anh Đ, sinh năm 1985 và 01 người con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào và chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Trần Văn G không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- *Bị hại:* Tòa án không triệu tập

1. Ông Trịnh V, sinh năm 1951; nơi cư trú: Ấp V1, xã V2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh;

2. Bà Cao Thị M, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp M1, xã M2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh;

3. Anh Hà Văn P, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp P1, xã P2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Tòa án không triệu tập

1. Công ty TNHH A. Người đại diện theo pháp luật: Ông A1, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị X, chức vụ: Trưởng phòng nhân sự.

2. Ông Võ Thành L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 10-6-2018, Trần Văn G mượn xe mô-tô hiệu Max, không rõ biển số của anh Trần Văn L đi hái quả Bình Bát ăn. Khi đến khu vực chốt cảnh giới Biên phòng I52 thuộc Ấp M1, xã M2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh, G thấy xe mô-tô, biển số 70L1-4954 của bà Cao Thị M đang để tại ruộng, không người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, G giấu xe Max vào đám cây gần đó rồi lén lút lấy xe của bà M điều khiển sang Campuchia bán cho người đàn ông (không rõ lai lịch) được 4.000.000 đồng. Sau đó, G về Việt Nam lấy xe mô-tô Max trả cho anh L; số tiền có được G tiêu xài cá nhân. Bà M phát hiện mất xe nên đến Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh trình báo.

Tại Cơ quan điều tra, G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngoài ra, G còn một mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và cùng với Bị cáo Võ Văn T thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ ngày 29-5-2018, G cùng anh Nguyễn Văn R đi bộ đến ruộng thuộc Ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh bắt Nhái. Sau đó R về nhà, G một mình đi bộ ngang nhà ông Trịnh V, thấy xe mô-tô biển số 70N1-6118 của ông V đang để tại hiên nhà, không người trông giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm. Lúc này, G đột nhập vào nhà ông V, trộm xe đẩy bộ về nhà tại ấp G1, xã G2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh cất giấu. Đến khoảng 08 giờ ngày 30-5-2018, G mở khóa xe của ông V điều khiển sang Campuchia bán cho người đàn ông không rõ lai lịch được 6.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 23 giờ ngày 27-6-2018, G rủ Bị cáo Võ Văn T đến Công ty TNHH A thuộc ấp A2, xã A3, huyện T3, tỉnh Tây Ninh trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý (do trước đây T có làm công nhân cho công ty này được khoảng một năm nên biết kiểm cộng lực công ty để ở đâu để dùng vào việc trộm). Lúc này, T điều khiển xe mô-tô, biển số 70L3-8988 mượn của cha ruột là ông Võ Thành L chở G đến trước cổng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, cả hai quan sát thấy xe mô-tô, biển số 70C1-783.02 của anh Hà Văn P được công ty giao cho quản lý đang để bên trong khuôn viên, không người trông giữ; G phân công T vào công ty lấy trộm xe, còn G đứng bên ngoài cảnh giới. Sau đó, T đột nhập vào công ty lấy kiềm cộng lực, cắt đứt bas cửa rào chắn rồi lấy trộm xe biển số 70C1-783.02, sau đó điều khiển sang Campuchia bán cho người đàn ông không rõ lai lịch được 13.000.000 đồng rồi đón xe về Việt Nam, T chia cho G 2.050.000 đồng, số còn lại T tiêu xài cá nhân.

Tại các bản Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 13-6-2018, số 32 ngày 18-6-2018 và số 40 ngày 13-7-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh kết luận: Xe mô-tô, biển số 70N1-6118 có giá trị 3.000.000 đồng; xe mô-tô, biển số 70L1-4954 có giá trị 9.000.000 đồng; xe mô-tô, biển số 70C1-183.02 có giá trị 12.200.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 48/2018/HS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Bến Cầu đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bị cáo Võ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bị cáo Võ Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn G, bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, bị cáo Bị cáo Võ Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Bản án sơ thẩm xử bị cáo 02 năm tù là quá nặng; bị cáo đã biết hành vi của bản thân là sai trái; đã thật sự ăn năn hối cải và thành khẩn khai báo; tự ra đầu thú và giúp đỡ cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật của Nhà nước; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã bồi thường xong cho phía bị hại và bị hại cũng đã có đơn bãi nại không yêu cầu giải quyết. Mặt khác, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, là lao động chính trong gia đình, phải nuôi vợ và con nhỏ chỉ mới 06 tháng tuổi.

Tại phiên tòa, bị cáo Bị cáo Võ Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Bị cáo Võ Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo để sớm trở về lo cho vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bị cáo Võ Văn T xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Bản án sơ thẩm ghi tên vợ của bị cáo Bị cáo Võ Văn T là Lê Thị B và có 02 người con là không chính xác, bởi lẽ theo lý lịch gốc có trong hồ sơ (BL 121) thể hiện vợ bị cáo T tên là Phan Anh Đ và có một người con tên là Võ D nên Bản án phúc thẩm đã xác định lại cho đúng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Bị cáo Võ Văn T xin được giảm hình phạt:

[4] Về tội danh: Vào khoảng 23 giờ ngày 27-6-2018, Trần Văn G rủ Bị cáo Võ Văn T đến Công ty TNHH A thuộc ấp A2, xã A3, huyện T3, tỉnh Tây Ninh trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. T điều khiển xe mô-tô, biển số 70L3-8988 đến trước cổng Công ty TNHH A, cả hai quan sát thấy xe mô-tô, biển số 70C1-783.02 của anh Hà Văn P được công ty giao cho quản lý đang để bên trong khuôn viên không trông giữ; G phân công T vào công ty lấy trộm xe, còn G đứng bên ngoài cảnh giới. Sau đó, bị cáo T đột nhập vào công ty lấy kiềm cộng lực của công ty cắt đứt bas cửa sắt rồi lấy trộm xe điều khiển sang Campuchia bán cho người đàn ông không rõ lai lịch được 13.000.000 đồng rồi đón xe về Việt Nam, chia cho G 2.050.000 đồng, số còn lại tiêu xài cá nhân. Theo Kết luận định giá tài sản thì xe mô-tô, biển số 70C1-183.02 có giá trị 12.200.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bị cáo Võ Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[5] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; có tổ chức, có kế hoạch thực hiện (vì T có thời gian làm công nhân của công ty này khoảng một năm nên nắm bắt được quy luật của công ty, biết kiềm cộng lực để ở đâu), có dùng phương tiện là xe mô-tô để đi quan sát, có sự cấu kết chặt chẽ và có phân công vai trò từng người khi thực hiện tội phạm, có chia nhau tiền sau khi trộm được; hành vi này đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu chính đáng của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần nghiêm trị.

[6] Đối với Bị cáo Võ Văn T được G rủ rê tham gia vào vụ án với vai trò là người thực hành tích cực, cụ thể: Trong lần chiếm đoạt xe mô-tô, biển số 70C1-183.02, G phân công T vào công ty lấy trộm xe, còn G đứng bên ngoài cảnh giới, số tiền thu lợi bất chính 13.000.000 đồng, T chia cho G 2.050.000 đồng, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân.

[7] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại xong cho phía bị hại; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đã xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, không nặng.

[8] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo nại ra trong vụ án này bị cáo đã ra "đầu thú" nhưng theo hồ sơ thể hiện: Theo nguồn tin báo về tội phạm, ngày 02-8-2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Cầu ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và ngày 29-8-2018 Quyết định khởi tố bị can đối với Bị cáo Võ Văn T; không có việc bị cáo ra đầu thú, do đó không có cơ sở chấp nhận lời nại ra của bị cáo.

[9] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được các tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận.

[10] Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Bị cáo Võ Văn T; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[13] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót, cần rút kinh nghiệm như sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Trịnh V, bà Cao Thị M, anh Hà Văn P tham gia tố tụng với tư cách là ***"Người bị hại"*** là không chính xác, theo quy định tại Điều 62 của Bộ luật Tố tụng hình sự phải là ***"Bị hại";***

- Phần lý lịch bị cáo không ghi giới tính, tôn giáo, quốc tịch, nhân thân (ghi không đúng mẫu hướng dẫn);

- Khi viện dẫn điều luật áp dụng Tòa án cấp sơ thẩm không viện dẫn thêm Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót, cần bổ sung ở cấp phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Bị cáo Võ Văn T.

3. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số: 48/2018/HS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bị cáo Võ Văn T 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADSH. Bến Cầu;
- Công an huyện Bến Cầu;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Văn Triến